

**BẢN SAO**

**CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG SÔNG HỒNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**



---

Yên Bái, tháng 03 năm 2014

**CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG SÔNG HỒNG**

Thôn 6, xã Phong Dụ Thượng, huyện Văn Yên,  
tỉnh Yên Bái, CHXHCN Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 21



## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Năng lượng Sông Hồng (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Lê Mạnh Thắng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đình Thi	Ủy viên
Ông Mai Văn Long	Ủy viên
Ông Chử Ngọc Lai	Ủy viên
Bà Đỗ Thị Lan	Ủy viên

#### Ban Giám đốc

Ông Lê Mạnh Thắng	Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Thuận	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Tiên	Phó Giám đốc

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

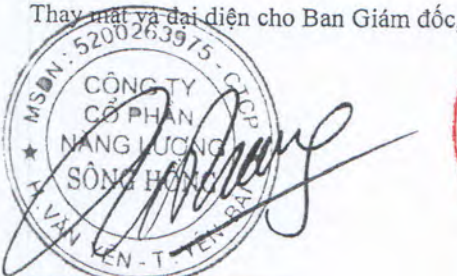
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Lê Mạnh Thắng  
Giám đốc

Yên Bái, ngày 26 tháng 03 năm 2014



21-06-2016  
CHỖ CHỦ TỊCH  
Cao Chu Huân

Số: 137 /VACO/BCKT.NV2

**BẢN SAO****BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**  
Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Năng lượng Sông Hồng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Năng lượng Sông Hồng được lập ngày 26/03/2014, từ trang 04 đến trang 21 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "Báo cáo tài chính").

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Như đã trình bày tại thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31/12/2013, tổng giá trị các khoản nợ ngắn hạn đang lớn hơn tổng tài sản ngắn hạn là 25.118.490.819 đồng (tại ngày 01/01/2013 là 23.839.125.493 đồng) có thể ảnh hưởng đến tính hoạt động liên tục của Công ty trong tương lai. Ban Giám đốc Công ty đã nhận biết được vấn đề này và đã có các kế hoạch xử lý như đã trình bày tại thuyết minh số 2 "Giả định hoạt động liên tục". Tại thời điểm phát hành báo cáo này, các chủ sở hữu của Công ty chưa có các cam kết nào về việc hỗ trợ tài chính và các tín chấp (nếu có) cho việc huy động các nguồn tài chính bổ sung cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến đánh giá về khả năng hoạt động liên tục của Công ty trong thời gian tới.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

Tại ngày 31/12/2013, Công ty chưa đối chiếu đầy đủ các khoản trả trước cho người bán và phải trả người bán, cụ thể như sau: Trả trước cho người bán chưa được đối chiếu là 6.985.665.582 đồng chiếm 92% (tại ngày 01/01/2013 là 7.385.665.582 đồng chiếm 100 %) và số phải trả người bán chưa được đối chiếu là 18.427.113.287 đồng chiếm 94% (tại ngày 01/01/2013 là 20.652.712.785 đồng chiếm 100 %). Chúng tôi không thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế để xác nhận số dư các khoản trả trước cho người bán và phải trả người bán chưa được đối chiếu xác nhận là đúng, đủ hay chưa. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu, đầy đủ và đúng kỳ về giá trị của các khoản mục trả trước cho người bán và phải trả người bán chưa được xác nhận cũng như ảnh hưởng của chúng (nếu có) đến các khoản mục khác có liên quan trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty.

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 7 và số 8 phần Thuyết minh báo cáo tài chính: Tổ máy số 1 của Dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 1 được bàn giao đưa vào sử dụng ngày 26/12/2012 theo Biên bản bàn giao số 01-HTHMCT, Công ty thực hiện ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và bắt đầu khấu hao từ ngày 01/01/2013; Tổ máy số 3 của Dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 1 được bàn giao đưa vào sử dụng ngày 04/03/2013 theo Biên bản bàn giao số 02-HTHMCT, Công ty thực hiện ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và bắt đầu khấu hao từ ngày 04/03/2013. Giá trị kết chuyển sang tài sản cố định của Tổ máy 1 và Tổ máy 3 nêu trên được xác định theo giá dự toán. Phần chi phí vượt dự toán của Tổ máy 1, 2 và 3 đang được Công ty treo lại trên khoản mục chi phí xây dựng cơ bản dở dang với giá trị 63.575.021.541 đồng.



Nguyễn Minh Hùng  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0294-2013-156-1

**CHUNG THỰC BAN SAO ĐUNG VỚI BAN CHÍN**

Số chứng thực: ..... Quyển số: SCT/PS

Phạm Xuân Sơn  
Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1450-2013-156-1

21-06-2016

CHỖ CHỦ TỊCH

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2013



Cao Chu Huân

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01 - DN  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>15.724.697.080</b>	<b>16.086.125.640</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1.232.082.288	889.871.258
1. Tiền	111		1.232.082.288	889.871.258
II Các khoản phải thu ngắn hạn	130		14.352.982.831	14.700.122.351
1. Phải thu khách hàng	131	6	7.047.710.744	7.637.849.292
2. Trả trước cho người bán	132		7.604.958.054	7.385.665.582
3. Các khoản phải thu khác	135		235.314.033	211.607.477
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(535.000.000)	(535.000.000)
III Tài sản ngắn hạn khác	150		139.631.961	496.132.031
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		139.631.961	496.132.031
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220 + 260)</b>			<b>305.438.686.173</b>	<b>307.009.666.589</b>
I. Tài sản cố định	220		303.206.968.036	304.468.885.293
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	157.915.002.407	168.876.003
- Nguyên giá	222		164.648.343.993	1.417.757.994
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.733.341.586)	(1.248.881.991)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	2.263.889
- Nguyên giá	228		-	15.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	(12.736.111)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	8	145.291.965.629	304.297.745.401
II Tài sản dài hạn khác	260		2.231.718.137	2.540.781.296
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	2.231.718.137	2.540.781.296
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>321.163.383.253</b>	<b>323.095.792.229</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG SÔNG HỒNG**

Thôn 6, xã Phong Dụ Thượng, huyện Văn Yên,  
Tỉnh Yên Bái, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính  
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MÁU SỐ B 01 - DN  
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013		01/01/2013	
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>253.428.668.267</b>		<b>249.165.306.577</b>	
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>40.843.187.899</b>		<b>39.925.251.133</b>	
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	10	16.000.000.000		15.500.000.000	
2. Phải trả người bán	312	11	19.637.164.213		20.652.712.785	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	1.018.933.606		167.593.225	
4. Phải trả người lao động	315		1.115.568.544		1.334.845.064	
5. Chi phí phải trả	316		164.409.078		115.000.000	
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	13	2.907.112.458		2.155.100.059	
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>212.585.480.368</b>		<b>209.240.055.444</b>	
1. Phải trả dài hạn khác	333	14	72.728.757.684		53.383.332.760	
2. Vay và nợ dài hạn	334	15	139.856.722.684		155.856.722.684	
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>67.734.714.986</b>		<b>73.930.485.652</b>	
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>16</b>	<b>67.734.714.986</b>		<b>73.930.485.652</b>	
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		74.625.720.000		74.625.720.000	
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-		(695.234.348)	
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(6.891.005.014)		-	
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)</b>	<b>440</b>		<b>321.163.383.253</b>		<b>323.095.792.229</b>	

**CÁC CHI TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	31/12/2013	01/01/2013
1. Ngoại tệ các loại (USD)	267,13	280,33



Lê Mạnh Thăng  
Giám đốc  
Yên Bái, ngày 26 tháng 03 năm 2014

*(Signature)*

**CHUNG THỰC BAN SAO ĐUNG VỚI BAN CHÍNH**

Nguyễn Xuân Trọng  
Kế toán Trưởng

*(Signature)*

Cao Minh Xuân  
Người lập

21-06-2016

CHỖ CHỦ TỊCH



Cao Chu Huân

**CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG SÔNG HỒNG**

Thôn 6, xã Phong Dụ Thượng, huyện Văn Yên,  
Tỉnh Yên Bái, CHXHCN Việt Nam

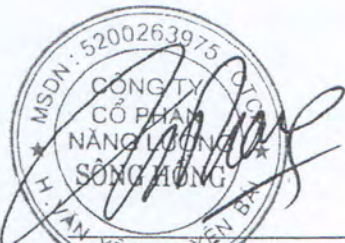
Báo cáo tài chính  
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**BẢN SAO**

MÁU SỐ B 02 - DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		21.971.639.885
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	17	21.971.639.885
4. Giá vốn hàng bán	11	18	8.631.293.859
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		13.340.346.026
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	40.945.721
7. Chi phí tài chính - Bao gồm: Chi phí lãi vay	22 23	21	16.870.651.433 16.579.001.594
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.401.645.328
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 - (24 + 25)}	30		(6.891.005.014)
10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30)	50		(6.891.005.014)
11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	22	-
12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	23	-
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51-52)	60		(6.891.005.014)
14. Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	70	24	(923)



Lê Mạnh Thăng  
Giám đốc  
Yên Bái, ngày 26 tháng 03 năm 2014

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**  
Số chứng thực: ..... Quyền số ..... SCT/BS

Nguyễn Xuân Trọng 21-06-2016 Cao Minh Xuân  
Kế toán Trưởng PHÓ CHỦ TỊCH Người lập



**Cao Chu Huân**



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

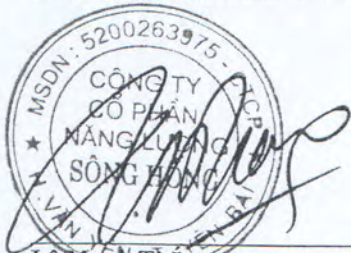
**BẢN SAO**

MẪU SỐ B 03 - DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2013	Năm 2012
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(6.891.005.014)	-
2. Điều chỉnh cho các khoản:		22.831.934.400	9.628.023.135
- Khấu hao tài sản cố định	02	5.598.644.179	117.885.298
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	695.234.348	-
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(40.945.721)	(106.606.924)
- Chi phí lãi vay	06	16.579.001.594	9.616.744.761
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	15.940.929.386	9.628.023.135
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	11.528.879.956	(3.159.519.653)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	(1.150.717.071)	24.934.055.043
- (Tăng)/ Giảm chi phí trả trước	12	400.444.641	(733.121.025)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(6.020.376.856)	(9.616.744.761)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	20.699.160.056	21.052.692.739
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(4.897.894.747)	(19.028.421.558)
2. Tiền thu lãi cho vay	27	40.945.721	106.606.924
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(4.856.949.026)	(18.921.814.634)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(15.500.000.000)	(1.750.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(15.500.000.000)	(1.750.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	342.211.030	380.878.105
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu kỳ	60	889.871.258	508.993.153
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	1.232.082.288	889.871.258

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 10.355.454.023 đồng, là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.



Lê Mạnh Thắng  
Giám đốc  
Yên Bái, ngày 26 tháng 03 năm 2014

**CHUNG THỰC BẢN SAO ĐUNG VỚI BẢN CHÍNH**  
Số chứng thực: ..... Chuyển số: .....  
21-06-2016

Nguyễn Xuân Trọng  
Kế toán Trưởng  
PHÓ CHỦ TỊCH Cao Minh Xuân  
Người lập



Cao Chu Huân

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MÃ SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Năng lượng Sông Hồng (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1603000079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp ngày 04/08/2006, thay đổi lần thứ sáu ngày 19/04/2012. Vốn điều lệ của Công ty là 74.625.720.000 đồng.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31/12/2013 là 32 người (tại ngày 01/01/2013 là 34 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, đường dây và trạm biến áp đến 110KV);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Sản xuất truyền tải và phân phối điện;
- Sản xuất và kinh doanh máy móc, thiết bị xây dựng;
- Đầu tư kinh doanh bất động sản, nhà ở, cho thuê văn phòng;
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, du lịch sinh thái, khu vui chơi giải trí.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính này chưa có hướng dẫn cụ thể từ Bộ Tài chính cho việc áp dụng các quy định trong Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210"), ngày 6 tháng 11 năm 2009 về việc hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Do đó, các công cụ tài chính trong các báo cáo tài chính này vẫn được trình bày theo giá gốc. Tuy nhiên, Công ty đã nghiên cứu và phân tích ảnh hưởng của Thông tư này đến báo cáo tài chính của Công ty. Ban Giám đốc Công ty đánh giá, Thông tư này không ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu trình bày trong kỳ này và các kỳ kế toán trước của Công ty.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

**Giả định hoạt động liên tục**

Tại ngày 31/12/2013, tổng giá trị các khoản nợ ngắn hạn lớn hơn tổng tài sản ngắn hạn là 25.118.490.819 đồng (tại ngày 01/01/2013 là 23.839.125.493 đồng) có thể ảnh hưởng đến tính hoạt động liên tục của Công ty trong tương lai. Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào kết quả kinh doanh trong các năm tài chính tiếp theo và việc bổ sung vốn điều lệ hoặc huy động vốn từ các chủ sở hữu để duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Công ty trong tương lai.

Ban Giám đốc Công ty đã nhận biết được vấn đề này và đã có các kế hoạch trong thời gian tới như: Thực hành tiết kiệm chi phí nhằm giảm lỗ kinh doanh; Tiếp tục làm việc với các ngân hàng tài trợ để giãn lịch trả nợ vay tới hạn trả; Báo cáo và lập kế hoạch tăng vốn trình lên các chủ sở hữu để hỗ trợ tài chính hoặc tăng vốn trong thời gian tới để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trên cơ sở các kế hoạch trên, Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng Công ty sẽ vẫn tiếp tục hoạt động liên tục trong năm tiếp theo nên báo cáo tài chính này vẫn được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính, Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn.

**Các bên liên quan**

Các bên liên quan chủ yếu của Công ty như sau:

- Công ty Cổ phần Sông Hồng sở hữu 48,91% vốn chủ điều lệ của Công ty.
- Tổng Công ty Điện lực dầu khí Việt Nam sở hữu 44,07% vốn điều lệ của Công ty.
- Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty.

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

**Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định**

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Giám đốc đánh giá, thông tư không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09 - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao cụ thể hàng năm như sau:

	<u>Thời gian khấu hao (số năm)</u>
Nhà cửa vật kiến trúc (đập thủy điện)	30
Máy móc thiết bị	6 - 20
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm: Các khoản chi phí trước khi đưa nhà máy vào hoạt động được phân bổ trong thời gian 3 năm; Giá trị còn lại của các tài sản không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 được phân bổ không quá 3 năm. Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty đang áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng là 10% trong thời gian 15 năm kể từ khi đi vào sản xuất kinh doanh, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm đầu và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế. Năm 2011 là năm đầu tiên Công ty có doanh thu, và Công ty vẫn chưa phát sinh thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Công ty còn khoản lỗ tính thuế lũy kế là 6.891.005.014 đồng có thể sử dụng để chuyển lỗ vào các năm tiếp theo, nhưng không quá 5 năm kể từ năm phát sinh lỗ. Tuy nhiên, Công ty không ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ khoản chuyển lỗ này do Công ty không chắc chắn về kế hoạch lợi nhuận trong tương lai.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Tiền mặt	25.996.589	5.408.508
Tiền gửi ngân hàng	1.206.085.699	884.462.750
	<u>1.232.082.288</u>	<u>889.871.258</u>

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Tổng công ty Điện lực Miền Bắc Việt Nam	7.047.710.744	7.637.849.292
	<u>7.047.710.744</u>	<u>7.637.849.292</u>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09 - DN

## 7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Số dư tại 01/01/2013	-	178.572.726	1.141.455.818	97.729.450	1.417.757.994
Tăng do Xây dựng cơ bản hoàn thành	124.497.144.080	38.936.744.096 (105.572.727)	-	-	163.433.888.176
Giảm khác (i)	-	-	-	(97.729.450)	(203.302.177)
Số dư tại 31/12/2013	124.497.144.080	39.009.744.095	1.141.455.818	-	164.648.343.993
HAO MÓN LUY KẾ					
Số dư tại 01/01/2013	-	45.858.115	1.135.378.015	67.645.861	1.248.881.991
Khấu hao trong năm	3.787.345.915	1.796.497.224 (37.815.486)	6.077.803	6.459.348	5.596.380.290
Giảm khác (i)	-	-	-	(74.105.209)	(111.920.695)
Số dư tại 31/12/2013	3.787.345.915	1.804.539.853	1.141.455.818	-	6.733.341.586
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư tại 01/01/2013	-	132.714.611	6.077.803	30.083.589	168.876.003
Số dư tại 31/12/2013	120.709.798.165	37.205.204.242	-	-	157.915.002.407

Theo Biên bản số 01-HTHMCT ngày 26/12/2012, Công ty xác định thời điểm bàn giao đưa vào sử dụng của Tờ máy số 1 là ngày 26/12/2012 và quyết định ghi tăng nguyên giá tài sản cố định tương ứng với Tờ máy số 1 và bắt đầu khấu hao từ ngày 01/01/2013.

Theo Biên bản số 02-HTHMCT ngày 04/03/2013, Công ty xác định thời điểm bàn giao đưa vào sử dụng của Tờ máy số 3 là ngày 04/03/2013 và quyết định ghi tăng nguyên giá tài sản cố định tương ứng với Tờ máy số 3 và bắt đầu khấu hao từ ngày 04/03/2013.

Chú: (i) Điều chỉnh tài sản cố định sang công cụ dụng cụ theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2013 là 1.141.455.818 đồng (tại ngày 01/01/2013 là 739.458.905 đồng).

**CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG SÔNG HỒNG**Thôn 6, xã Phong Dụ Thượng, huyện Văn Yên,  
Tỉnh Yên Bái, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tại ngày 01 tháng 01	304.297.745.401	284.230.042.443
Tăng trong năm	15.253.348.770	47.951.157.468
Giảm trừ giá trị đầu tư (i)	(10.825.240.366)	(27.599.125.720)
Kết chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(270.912.780)
Kết chuyển sang tài sản cố định (ii)	(163.433.888.176)	-
Giảm khác	-	(13.416.010)
Tại ngày 31 tháng 12	<u>145.291.965.629</u>	<u>304.297.745.401</u>

Ghi chú:

- (i) Giảm trừ giá trị đầu tư là doanh thu bán điện trong giai đoạn chạy thử.
- (ii) Công ty kết chuyển giá trị đầu tư Tổ máy 1 và Tổ máy 3 sang tài sản cố định theo Biên bản bàn giao số 01-HTHMCT ngày 26/12/2012 và Biên bản bàn giao số 02-HTHMCT ngày 04/03/2013, giá trị kết chuyển sang tài sản cố định của 02 tổ máy nêu trên được xác định theo giá trị dự toán, phần chi phí vượt dự toán đang được Công ty treo loại trên khoản mục chi phí xây dựng cơ bản dở dang.

Chi tiết chi phí xây dựng cơ bản dở dang theo từng công trình:

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Tổ máy 1	-	81.716.944.088
Tổ máy 2	81.716.944.088	81.716.944.088
Tổ máy 3	-	81.716.944.088
Chi phí xây dựng vượt dự toán	63.575.021.541	59.146.913.137
	<u>145.291.965.629</u>	<u>304.297.745.401</u>

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Chi phí sửa chữa lớn xe ô tô	99.846.668	149.770.000
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.131.871.469	2.391.011.296
	<u>2.231.718.137</u>	<u>2.540.781.296</u>

**10. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Vay dài hạn đến hạn trả	16.000.000.000	15.500.000.000
	<u>16.000.000.000</u>	<u>15.500.000.000</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG SÔNG HỒNG**Thôn 6, xã Phong Dụ Thượng, huyện Văn Yên,  
Tỉnh Yên Bái, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Công ty CP Xây dựng số 2	7.928.560.912	7.928.560.912
Tập đoàn thủy điện Văn Hà Trùng Khánh	4.914.778.556	4.854.873.501
Công ty CP đầu tư và xây dựng Long Thành	1.233.374.258	1.233.374.258
Công ty CP thương mại và kỹ thuật năng lượng Việt Nam	925.280.477	558.270.908
Công ty CP cơ khí xây lắp Quyết Thắng	815.065.848	815.065.848
Các đối tượng khác	3.820.104.162	5.262.567.358
	<u>19.637.164.213</u>	<u>20.652.712.785</u>

**12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	376.086.769	38.547.246
Thuế thu nhập cá nhân	79.326.341	37.296.558
Thuế tài nguyên	141.016.336	91.749.421
Các khoản phí, lệ phí	422.504.160	-
	<u>1.018.933.606</u>	<u>167.593.225</u>

**13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Các khoản bảo hiểm	83.972.053	155.100.059
Lãi vay ngắn hạn phải trả		
Ngân hàng TMCP Đại chúng VN	2.823.140.405	2.000.000.000
	<u>2.907.112.458</u>	<u>2.155.100.059</u>

**14. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC**

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Lãi cơ cấu vay dài hạn phải trả		
Ngân hàng TMCP Đại chúng VN	72.728.757.684	53.383.332.760
	<u>72.728.757.684</u>	<u>53.383.332.760</u>

Theo Phụ lục hợp đồng số 52/TDĐT-DH/PVFC06/PL12 ngày 30/11/2012 giữa Công ty và Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (nay là Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam). Theo đó, nợ gốc và lãi vay phát sinh của Hợp đồng tín dụng dài hạn số 52/TDĐT-DH/PVFC06 ngày 22/11/2006 nếu chưa trả hết thì số tiền chưa trả được điều chỉnh trả nợ vào ngày trả nợ cuối cùng là 12/09/2022. Do vậy, số dư cuối kỳ phản ánh lũy kế lãi vay cơ bản phát sinh của năm 2011, năm 2012 và năm 2013 chưa trả đến ngày 31/12/2013.



**CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG SÔNG HỒNG**

Thôn 6, xã Phong Dụ Thượng, huyện Văn Yên,  
Tỉnh Yên Bái, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính  
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**15. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	139.856.722.684	155.856.722.684
	<u>139.856.722.684</u>	<u>155.856.722.684</u>

Công ty ký hợp đồng vay dài hạn số 52/TDĐT-DH/PVFC06 với Tổng Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí Việt Nam (nay là Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - PV Combank) ngày 22/11/2006 và phụ lục hợp đồng ngày 30/11/2012 để thực hiện dự án Công trình Thủy điện Ngòi Hút 1 với hạn mức vay là 185.000.000.000 VND. Khoản vay sẽ được trả 6 tháng/lần kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Tiến độ trả nợ theo Lịch trả nợ được gửi. Khoản vay chịu lãi suất bằng lãi suất tham chiếu cộng (+) 5,8%/năm, tối thiểu bằng lãi suất sử dụng vốn tối thiểu tham khảo do PV Combank ban hành tại từng thời điểm và tối đa bằng lãi suất cho vay tối đa theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (trong đó lãi suất tham chiếu là lãi suất huy động vốn từ tổ chức kinh tế kỳ hạn 12 tháng của PV Combank); từ ngày 05/11/2013 đến ngày 31/12/2013 lãi suất là 12%/năm. Công ty sử dụng toàn bộ giá trị tài sản cố định của dự án bao gồm quyền sử dụng đất và toàn bộ máy móc thiết bị để xây dựng dự án và toàn bộ nguồn thu từ việc bán sản phẩm của dự án để thế chấp cho khoản vay này.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Trong vòng một năm	16.000.000.000	15.500.000.000
Từ năm thứ hai tới năm thứ năm	64.000.000.000	64.000.000.000
Sau năm năm	75.856.722.684	91.856.722.684
<b>Cộng</b>	<u>155.856.722.684</u>	<u>171.356.722.684</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	16.000.000.000	15.500.000.000
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<u>139.856.722.684</u>	<u>155.856.722.684</u>

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

*Thay đổi trong vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Lợi nhuận (lỗ) chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 31/12/2011	74.625.720.000	(695.234.348)	-	73.930.485.652
Lợi nhuận (lỗ) trong năm	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2012	<u>74.625.720.000</u>	<u>(695.234.348)</u>	<u>-</u>	<u>73.930.485.652</u>
Lợi nhuận (lỗ) trong năm	-	-	(6.891.005.014)	(6.891.005.014)
Chênh lệch tỷ giá	-	695.234.348	-	695.234.348
Tại ngày 31/12/2013	<u>74.625.720.000</u>	<u>-</u>	<u>(6.891.005.014)</u>	<u>67.734.714.986</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG SÔNG HỒNG**Thôn 6, xã Phong Dụ Thượng, huyện Văn Yên,  
Tỉnh Yên Bái, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09 - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)***Vốn điều lệ*

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1603000079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp ngày 04/08/2006; thay đổi lần thứ sáu ngày 19/04/2012, tổng số vốn điều lệ của Công ty là 74.625.720.000 đồng. Tại ngày 31/12/2013, số vốn các cổ đông đã góp như sau:

	Vốn đã góp tại ngày 31/12/2013		Vốn đã góp tại ngày 01/01/2013	
	VND	(%)	VND	(%)
Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng	36.498.220.000	48,91	36.498.220.000	48,91
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	32.887.500.000	44,07	32.887.500.000	44,07
Các cổ đông khác	5.240.000.000	7,02	5.240.000.000	7,02
	<b>74.625.720.000</b>	<b>100</b>	<b>74.625.720.000</b>	<b>100</b>

*Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty tại 31/12/2013*

+ Số cổ phiếu được phép phát hành	7.462.572 cổ phần
+ Số cổ phiếu đã được phát hành và được góp vốn đầy đủ	7.462.572 cổ phần
+ Mệnh giá của cổ phiếu	10.000 đồng/cổ phần
+ Số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm đầu năm và cuối năm	7.462.572 cổ phần

**17. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2013 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.971.639.885
	<b>21.971.639.885</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<b>21.971.639.885</b>

**18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2013 VND
Giá vốn bán hàng	8.631.293.859
	<b>8.631.293.859</b>

**19. CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ**

	Năm 2013 VND
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	507.017.664
Chi phí nhân công	3.371.049.157
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.598.644.179
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.654.114.181
Chi phí khác bằng tiền	912.060.471
	<b>12.042.885.652</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG SÔNG HỒNG**

Thôn 6, xã Phong Dụ Thượng, huyện Văn Yên,  
Tỉnh Yên Bái, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính  
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2013 VND
Lãi tiền cho vay, tiền gửi	40.945.721
	<u>40.945.721</u>

**21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2013 VND
Chi phí lãi vay	16.579.001.594
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	59.905.055
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	231.744.784
	<u>16.870.651.433</u>

**22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2013 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(6.891.005.014)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-
<i>Trừ: Thu nhập không chịu thuế</i>	-
<i>Cộng: Chi phí không được khấu trừ</i>	-
Thu nhập chịu thuế	(6.891.005.014)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi	10%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-
Thuê thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-

**23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI**

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận liên quan đến các khoản mục sau:

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Lỗi lũy kế có thể được khấu trừ	6.891.005.014	-
Cộng	<u>6.891.005.014</u>	<u>-</u>

Đây là khoản lỗ tính thuế của năm 2013 (chưa quyết toán thuế), thời hạn được chuyển lỗ của khoản lỗ này đến năm 2018.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG SÔNG HỒNG**Thôn 6, xã Phong Dụ Thượng, huyện Văn Yên,  
Tỉnh Yên Bái, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09 - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***24. LÃI (LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm 2013 VND
Lợi nhuận (lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(6.891.005.014)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	7.462.572
Mệnh giá trên mỗi cổ phần	10.000
Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu phổ thông của Công ty	<u>(923)</u>

**25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Tài sản tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm tiền mặt, tiền gửi ở các tổ chức tín dụng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính khác. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác.

**Các loại công cụ tài chính**

	31/12/2013		01/01/2013	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.232.082.288	-	889.871.258	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.283.024.777	(535.000.000)	7.849.456.769	(535.000.000)
Tài sản tài chính khác	139.631.961	-	496.132.031	-
	<u>8.654.739.026</u>	<u>(535.000.000)</u>	<u>9.235.460.058</u>	<u>(535.000.000)</u>
			31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
<b>Nợ tài chính</b>				
Vay và nợ			155.856.722.684	171.356.722.684
Phải trả người bán và phải trả khác			95.273.034.355	76.191.145.604
Chi phí phải trả			164.409.078	115.000.000
			<u>251.294.166.117</u>	<u>247.662.868.288</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư 210/TT-BTC ngày 6/11/2009 ("Thông tư 210") của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MÃU SỐ B 09 - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần bao gồm phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro thị trường, bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá hàng hóa, rủi ro tín dụng và các rủi ro về giá khác.

*Rủi ro về tỷ giá*

Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự biến động về tỷ giá hối đoái liên quan đến các hoạt động kinh doanh của Công ty khi Công ty mua và bán các loại hàng hóa bằng các loại ngoại tệ khác với đồng tiền hạch toán kế toán của Công ty. Công ty quản lý rủi ro tỷ giá thông qua việc xem xét tình hình thị trường hiện tại và dự kiến khi công ty có kế hoạch mua bán hàng hóa trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty chưa sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ.

*Rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua hàng hóa để phục vụ hoạt động kinh doanh, nên Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro hàng hóa bằng việc theo dõi và phân tích thông tin liên quan đến thị trường hàng hóa mà Công ty kinh doanh nhằm mục đích phục vụ cho thời điểm mua bán hàng hóa, kế hoạch kinh doanh và xác định mức tồn kho hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa các rủi ro về hàng hóa.

*Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc một hợp đồng mà khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, nên làm cho Công ty bị tổn thất về tài chính. Công ty sẽ chịu rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu từ khách hàng và từ hoạt động tài chính, như tiền gửi ngân hàng.

Đối với các khoản phải thu khách hàng: Công ty quản lý rủi ro đối với các khoản phải thu dựa trên các chính sách, thủ tục kiểm soát cũng như dự phòng nợ phải thu khó đòi. Công ty theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, phân tích tình hình tín dụng của từng khách hàng tại từng thời điểm.

Đối với tiền gửi ngân hàng: Công ty duy trì thực hiện gửi tiền tại các ngân hàng mà Công ty đánh giá là có uy tín và có quan hệ lâu năm với Công ty.

*Quản lý rủi ro thanh khoản*

Đây là rủi ro khi Công ty gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn, chủ yếu là do các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Tính thanh khoản được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền, các khoản tương đương tiền, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các dự định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận, dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.232.082.288	-	-	1.232.082.288
Phải thu khách hàng và phải thu khác	6.748.024.777	-	-	6.748.024.777
Tài sản tài chính khác	139.631.961	-	-	139.631.961
	<u>8.119.739.026</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>8.119.739.026</u>
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>				
Vay và nợ	16.000.000.000	64.000.000.000	75.856.722.684	155.856.722.684
Phải trả người bán và phải trả khác	22.544.276.671	-	72.728.757.684	95.273.034.355
Chi phí phải trả	164.409.078	-	-	164.409.078
	<u>38.708.685.749</u>	<u>64.000.000.000</u>	<u>148.585.480.368</u>	<u>251.294.166.117</u>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<u>(30.588.946.723)</u>	<u>(64.000.000.000)</u>	<u>(148.585.480.368)</u>	<u>(243.174.427.091)</u>
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	889.871.258	-	-	889.871.258
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.314.456.769	-	-	7.314.456.769
Tài sản tài chính khác	496.132.031	-	-	496.132.031
	<u>8.700.460.058</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>8.700.460.058</u>
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>				
Vay và nợ	15.500.000.000	64.000.000.000	91.856.722.684	171.356.722.684
Phải trả người bán và phải trả khác	76.191.145.604	-	-	76.191.145.604
Chi phí phải trả	115.000.000	-	-	115.000.000
	<u>91.806.145.604</u>	<u>64.000.000.000</u>	<u>91.856.722.684</u>	<u>247.662.868.288</u>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<u>(83.105.685.546)</u>	<u>(64.000.000.000)</u>	<u>(91.856.722.684)</u>	<u>(238.962.408.230)</u>

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)  
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09 - DN

26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	288.000.000	288.000.000
Thu nhập Ban Giám đốc	682.171.139	636.959.691
	<u>970.171.139</u>	<u>924.959.691</u>

27. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty thuê đất theo Hợp đồng số 11/2008/HĐTĐ ngày 26/03/2008 với Ủy ban Nhân dân tỉnh Yên Bái. Theo đó, Công ty thuê diện tích đất 271.667 m<sup>2</sup> với thời hạn thuê 50 năm kể từ ngày 22/06/2007 đến hết ngày 22/06/2057, tiền thuê đất được trả hàng năm.

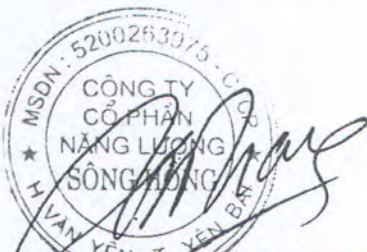
Cục thuế tỉnh Yên Bái ban hành Quyết định số 117/QĐ-CT ngày 22/01/2009 về việc Công ty được miễn tiền thuê đất phải nộp trong 11 năm, từ ngày 01/07/2007 đến ngày 01/07/2018.

28. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Do Dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 1 đang tiến hành lập Báo cáo quyết toán dự án, dẫn đến tồn tại một số khoản phải thu do ứng trước tiền cho các nhà thầu và một số khoản nợ phải trả cho các nhà thầu chưa được thanh toán. Cùng với việc các khoản phải thu, phải trả này cũng chưa được đối chiếu xác nhận đầy đủ tại thời điểm ngày 31/12/2013 nên có thể phát sinh thêm các khoản công nợ phải trả các nhà thầu (nếu có) khi quyết toán dự án. Công ty sẽ điều chỉnh tăng/giảm nguyên giá tài sản cố định theo giá trị quyết toán cuối cùng với các nhà thầu trong thời gian tới.

29. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2012 đã được kiểm toán, số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh không có số liệu so sánh do năm 2013 Công ty mới chính thức đi vào phát điện thương mại và phát sinh doanh thu.



Lê Mạnh Thắng  
Giám đốc  
Yên Bái, ngày 26 tháng 03 năm 2014

*Nguyễn Xuân Trọng* *Cao Minh Xuân*

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH  
Nguyễn Xuân Trọng Kế toán Trưởng Cao Minh Xuân Người lập



21-06-2016

PHÓ CHỦ TỊCH

Cao Chu Huân